

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 746 /NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Cung cấp băng tải cao su các loại năm
2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp băng tải cao su các loại năm 2024**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 27/3/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy đề b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Vũ Phú Cường

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 746 /NĐĐT-KHVT ngày 19/3/2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Băng tải	B1000 (EP200x5-4,5/1,5) (tối thiểu 400m/1cuộn)		m	400,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
2	Băng tải máy cấp than dài	- Rộng: 838±10 mm; - Chu vi tròn của băng tải: 54800±100 mm (băng tải kín); - Độ cứng (Rigidity): 70±5; - Cường lực kéo đứt (Tensile strength at break): ≥ 17,6 MPa; - Lực kéo đứt (Breaking tenacity): ≥ 400%; - Độ biến dạng vĩnh viễn (Permanent set of breaking): ≤ 30%; - Lượng mài mòn (Abrasion decrement): ≤ 0,7 cm³/1,61 km; - Cường độ liên kết giữa lớp cao su mặt trên và bố vải (Abhesive strength): ≥ 5,9 kN/m. - Cường độ liên kết giữa lớp cao su mặt dưới và bố vải (Abhesive strength): ≥ 4,7 kN/m.		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Băng tải máy cấp than ngắn	- Rộng: 838±10 mm; - Chu vi tròn của băng tải: 25400±100 mm (băng tải kín); - Độ cứng (Rigidity): 70±5; - Cường lực kéo đứt (Tensile strength at break): $\geq 17,6$ MPa; - Lực kéo đứt (Breaking tenacity): $\geq 400\%$; - Độ biến dạng vĩnh viễn (Permanent set of breaking): $\leq 30\%$; - Lượng mài mòn (Abrasion decrement): $\leq 0,7$ cm³/1,61 km; - Cường độ liên kết giữa lớp cao su mặt trên và bố vải (Abhesive strength): $\geq 5,9$ kN/m. - Cường độ liên kết giữa lớp cao su mặt dưới và bố vải (Abhesive strength): $\geq 4,7$ kN/m.		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
4	Cao su tấm	- Cao su tấm - Khổ rộng 1m - Dày 3mm - Chịu nhiệt ≥ 150 độ C		Kg	100,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			
5	Tấm chắn băng tải cao su (loại không có bố vải)	- Tấm cao su (không bố vải) - Khổ rộng 400mm - Dày 10mm - Cường độ chịu kéo 60kg/cm² - Độ giãn dài khi đứt 200% - Dung sai kích thước: chiều		m	400,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Thời giao bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		dây: $\pm 0,7$ mm; chiều rộng: $\pm 3,2$ mm								
	Tổng									
	Thuế GTGT									
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)									
	Bảng chữ:									

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.